

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày: 07-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Nam Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Ông Châu Rết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 03 háng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng K (Đ)**, sinh năm: 1980, tại tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: ấp M, xã M1, huyện M2, tỉnh V; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá (học vấn) 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt nam; con ông Trần Văn C, sinh năm: 1949 và bà Hồ Thị X, sinh năm: 1949, có bốn anh em, bị cáo người con thứ hai; có vợ là chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm: 1989 và có một đứa con 06 tuổi;

Tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp M, xã M1, huyện M2, tỉnh V, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Ông Lê Thanh K, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T1, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: Khóm T2, thị trấn N, huyện T1, tỉnh An Giang, có mặt;

- Ông Trần Minh H (H1), sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Trần Quốc T, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: số 712/6 đường Hà Hoàng Hồ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Hoàng K (Đ) bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố về tội “Vận chuyển tiền tệ trái phép qua biên giới” theo điểm a khoản 2 Điều 154 Bộ luật hình sự được sửa đổi năm 2009, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 14/7/2017, Trần Hoàng K điều khiển xe mô tô mang biển số kiểm soát 64M1 – 1285 từ Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên về Việt Nam. Khi đến Bariee qua cổng nhập, bị cáo K xuống xe dẫn bộ khoảng 50 mét rồi lên xe chạy khoảng 150 mét gần đến cổng xuất thì bị lực lượng Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, Đội kiểm soát Hải quan tỉnh An Giang và Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên phối hợp kiểm tra phát hiện Trần Hoàng K có mang theo tổng số: 414.400.000đ (bốn trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam; 2.028.500Riel (hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm Riel - Campuchia) và 400USD (bốn trăm đô la Mỹ) không khai báo với Hải quan cửa khẩu nên bị bắt cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

1, Số tiền 414.400.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam; 400USD (Bốn trăm Đôla Mỹ); 2.028.500Riel (Hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng Riel - Campuchia);

2, Một chiếc xe Mô tô biển số kiểm soát 64M1-1285; Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Hoàng K;

3, Một cái điện thoại di động màu trắng model OPPO R831K đã qua sử dụng;

4, Một giấy CMND số 331694605, mang tên Trần Hoàng K, do công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17/12/2015;

5, Một hộ chiếu số C1054856, mang tên Trần Hoàng K, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/10/2015;

6, Một thẻ hội viên số 09239/HV/TK, cấp ngày 11/02/2015 cho Trần Hoàng K;

7, Một giấy phép lái xe số 860159009343 do Sở giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 22/10/2015 cho Trần Hoàng K.

Theo kết luận ngày 14 tháng 07 năm 2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang xác định đồng tiền Việt Nam mà bị cáo vận chuyển qua biên giới có mệnh giá loại 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) gồm 627 tờ; mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) gồm 501 tờ và loại mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) gồm có 07 tờ thì toàn bộ là tiền thật do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Lời khai của người làm chứng, người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Các anh Lê Thanh K và Nguyễn Văn D trình bày: Vào khoảng 14 giờ, ngày 14/4/2017, anh K và anh D có chứng kiến lực lượng hải quan cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên kiểm tra Trần Hoàng K đi trên phương xe mô tô biển số 64M1-1285 từ Campuchia vào Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên có mang theo 04 cọc tiền, tổng trị giá trên 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ tang vật.

- Trần Minh H (H1), trình bày: Từ năm 2014 bắt đầu chở gạch bằng ghe, tải trọng 35 tấn cho vợ chồng K từ nhà máy gạch, ngói TUNNEL Long Xuyên qua đường cửa khẩu Vĩnh Hội Đông, huyện A, tỉnh An Giang đến bến ghe Tà Keo giao cho K và nhận tiền công mỗi chuyến từ 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) đến 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Trần Quốc T, trình bày: Năm 2016, Võ Thị Mỹ H liên hệ công ty mua gạch ngói mỗi lần khoảng 13-14 tấn và do Trần Minh H trực tiếp nhận và chở đi bằng ghe.

- Chị Võ Thị Mỹ H trình bày: Từ năm 2014, Trần Hoàng K (chồng chị) đến tạm trú tại Bến ghe Tà Keo (thuộc ấp S, phường R, thành phố Đôn K, tỉnh Tà Keo (Vương quốc Campuchia) để mua bán vật liệu xây dựng, bán được 15 đến 30 ngày thì K trực tiếp hoặc thông qua Tiệm vàng Trương Hưng chuyển tiền cho chị để tiếp tục mua vật liệu xây dựng chở qua Campuchia cho K bán, đến khoảng 19 giờ, ngày 14/7/2017 chị hay tin K bị lực lượng Hải quan cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên bắt quả tang do vận chuyển trái phép số tiền trên 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) từ Campuchia về Việt Nam.

Nay chị Võ Thị Mỹ Hạnh yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại toàn bộ số tiền do Trần Hoàng K vận chuyển trái phép qua biên giới, vì cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng chị. Chị Hạnh không yêu cầu gì đối với Trần Hoàng K.

- **Tại phiên tòa**, Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng K (Đ) phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

+ Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật hình sự, thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ có thể phạt bổ sung từ 5.000.000đ (năm triệu đồng) đến 10.000.000đ (mười triệu đồng), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Tuy nhiên xét bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

+ Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và 01 chiếc xe mô tô biển số 64M1-1285, Giấy đăng ký xe mô tô do Trần Hoàng K đứng tên.

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) và 400USD (bốn trăm đôla Mỹ), 2.028.500Riel (hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm Riel – Campuchia) và 01 điện thoại di động model OPPO R831K; 01 (một) giấy CMND số 331694605, mang tên Trần Hoàng K, do công an tỉnh V cấp ngày 17/12/2015; 01 (một) hộ chiếu số C1054856, mang tên Trần Hoàng K, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/10/2015; 01 (một) thẻ hội viên số 09239/HV/TK, cấp ngày 11/02/2015 cho Trần Hoàng K; 01 (một) Giấy phép lái xe số 860159009343 do Sở giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 22/10/2015 cho Trần Hoàng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng ông Lê Thanh K, Trần Minh H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Hành vi của bị cáo xảy ra vào ngày 14/7/2017, được đưa ra xét xử vào ngày 07/03/2018 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực thi hành, mức hình phạt quy định đối với tội Vận chuyển tiền tệ trái phép qua biên giới theo khoản 2 điều 189 bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức hình phạt chính là hình phạt tiền, nhẹ hơn Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009, do vậy áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Hoàng K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu, Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát tuy tố bị cáo không oan; lời khai nhận tội của bị cáo Trần Hoàng K tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Bị cáo Trần Hoàng K điều khiển xe mô tô mang biển số kiểm soát 64M1-1285 từ Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên về Việt Nam, mang theo tổng số tiền 414.400.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam; 400USD (Bốn trăm đôla Mỹ); 2.028.500Riel (Hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng Riel - Campuchia) không khai báo với Hải quan cửa khẩu nên bị bắt quả tang cùng tang vật là vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự.

[4] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi của bị cáo Trần Hoàng K đủ yếu tố cấu thành tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tuy tố là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo Trần Hoàng K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp trật tự quản lý kinh tế của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; việc vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới làm xáo trộn nền kinh tế thị trường trong nước, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của địa phương trên tuyến biên giới. Hành vi phạm tội của bị cáo đã bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời mang tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa tiền án, tiền sự, gia đình luôn chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, gia đình có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó bị cáo Trần Hoàng K có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian dài thử thách, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát giáo dục cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Số tiền số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) là tang vật của vụ án và 01chiếc xe mô tô biển số 64M1-1285, giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Hoàng K là phương tiện dùng để phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo:

+ Số tiền 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) + 400USD (bốn trăm Đôla Mỹ); 2.028.500Riel (hai triệu không trăm hai tám nghìn năm trăm Riel -Campuchia), vì đây là số tiền bị cáo mang trong người để tiêu xài cá nhân.

+ Một cái điện thoại di động màu trắng model OPPO R831K đã qua sử dụng;

+ 01 (một) CMND số 331694605, mang tên Trần Hoàng K, do công an tỉnh V cấp ngày 17/12/2015;

+ 01 (một) hộ chiếu số C1054856, mang tên Trần Hoàng K, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/10/2015;

+ 01 (một) thẻ hội viên số 09239/HV/TK, cấp ngày 11/02/2015 cho Trần Hoàng K

+ 01 (một) Giấy phép lái xe số 860159009343 do Sở giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 22/10/2015 cho Trần Hoàng K.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật hình sự, thì hành vi của bị cáo Trần Hoàng K có thể phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Nhưng xét thấy bị cáo không có chức vụ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Bị cáo Trần Hoàng K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Mỹ Hạnh yêu cầu trả lại số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và chiếc xe mô tô là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Hoàng K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Bị cáo Trần Hoàng K phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 189; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (07/3/2018).

Giao bị cáo Trần Hoàng K cho Ủy ban nhân dân xã M1, huyện M2,

tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và 01 chiếc xe mô tô biển số 64M1-28501, Giấy đăng ký chiếc xe mô tô mang tên Trần Hoàng K.

- Trả lại cho bị cáo:

- + Số tiền 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); 400USD (bốn trăm Đôla Mỹ); 2.028.500Riel (hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm Riel - Campuchia);

- + Một cái điện thoại di động màu trắng model OPPO R831K đã qua sử dụng;

- + 01 (một) CMND số 331694605, mang tên Trần Hoàng K, do công an tỉnh V cấp ngày 17/12/2015;

- + 01 (một) hộ chiếu số C1054856, mang tên Trần Hoàng K, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 19/10/2015;

- + 01 (một) thẻ hội viên số 09239/HV/TK, cấp ngày 11/02/2015 cho Trần Hoàng K;

- + 01 (một) Giấy phép lái xe số 860159009343 do Sở giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 22/10/2015 cho Trần Hoàng K.

(Số tiền trên hiện do Kho bạc nhà nước huyện Tịnh Biên quản lý theo biên bản giao nhận tài sản giữ hộ lập ngày 08/12/2017 giữa Công an huyện Tịnh Biên và Kho bạc nhà nước huyện Tịnh Biên. Các vật chứng khác (không phải là tiền) hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10/01/2018 giữa Công an huyện Tịnh Biên với Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên).

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Trần Hoàng K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo, người liên quan (2);
- TAND tỉnh (2);
- Vks h.TB (1);
- THA.H.TB (1);
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp (2);
- UBND xã M (1);
- Lưu hồ sơ, VT (2).

Châu Nam Phú